

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
THỦY SẢN SÀI GÒN**

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2014	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 27
7. Phụ lục	28 - 32

3
M
T
K
N
P

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Liêm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Toàn	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Toàn	Thành viên

Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Lê Thị Diệu Phú	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Quốc	Thành viên
Ông Vũ Cao Trung	Thành viên

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Duy Dũng	Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 15/7/2014)
Ông Nguyễn Xuân Tồn	Tổng Giám đốc	(bỏ nhiệm ngày 15/7/2014)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 28/6/2014)
Bà Đỗ Thị Hồng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Liêm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Toàn	Phó Tổng Giám đốc	

3. Trụ sở hoạt động: 87 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

4. Các hoạt động chính

Mua bán vật tư ngành thủy sản, thủy hải sản. Chế biến cá và thủy sản khác. Mua bán thủy sản, nông sản, thực phẩm, máy móc thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu, phương tiện vận tải, thức ăn gia súc – thủy sản, vật tư nông nghiệp, thức ăn nuôi trồng thủy sản. Kinh doanh kho, bãi. Kinh doanh dịch vụ nhà ở và văn phòng làm việc. Mua bán thuốc bảo vệ thực vật. Kinh doanh bất động sản.

5. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 32.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

11. Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bằng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị




Nguyễn Văn Piêm

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 31 tháng 3 năm 2015



Số: 211/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ và BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2015, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		106.206.348.550	122.436.461.302
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	1.109.561.253	53.084.915.754
1. Tiền	111		1.109.561.253	3.085.915.754
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	49.999.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		83.999.520.548	14.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn khác		V.02	83.999.520.548	14.000.000.000
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	V.03	18.171.725.159	49.024.410.631
1. Phải thu khách hàng	131		5.115.045.810	19.336.266.266
2. Trả trước cho người bán	132		39.553.969.927	39.646.652.487
3. Các khoản phải thu khác	135		5.129.445.651	11.892.517.962
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(31.626.736.229)	(21.851.026.084)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		895.418	2.980.225.376
1. Hàng tồn kho	141		895.418	2.980.225.376
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.04	2.924.646.172	3.346.909.541
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	221.467.834
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.642.280	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		88.532.218	63.564.699
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.806.471.674	3.061.877.008
B. Tài sản dài hạn	200		26.209.667.720	45.181.195.036
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210	V.05	20.008.700.000	24.803.265.601
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		57.938.577.830	62.424.400.144
2. Phải thu dài hạn khác	218		476.108.238	476.108.238
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(38.405.986.068)	(38.097.242.781)
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		4.887.519.616	18.082.660.386
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	4.373.938.131	18.007.388.706
- Nguyên giá	222		7.178.415.593	71.434.389.530
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.804.477.462)	(53.427.000.824)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	-	75.271.680
- Nguyên giá	228		264.747.900	505.580.187
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(264.747.900)	(430.308.507)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		513.581.485	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.08	925.701.080	925.701.080
1. Đầu tư dài hạn khác	258		5.167.249.080	5.167.249.080
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(4.241.548.000)	(4.241.548.000)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260	V.09	387.747.024	1.369.567.969
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		26.747.024	1.008.567.969
2. Tài sản dài hạn khác	268		361.000.000	361.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		132.416.016.270	167.617.656.338

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		69.572.491.515	106.180.037.470
I. Nợ ngắn hạn	310		69.291.190.040	105.898.735.995
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	24.388.906.790	51.585.116.955
2. Phải trả người bán	312	V.11	1.447.056.122	4.041.561.038
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	58.858.990	32.104.720
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	8.667.755.691	11.133.718.396
5. Phải trả người lao động	315	V.13	255.670.199	638.726.270
6. Chi phí phải trả	316	V.14	9.703.246.589	6.776.012.449
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	24.790.851.778	31.712.652.286
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(21.156.119)	(21.156.119)
II. Nợ dài hạn	330		281.301.475	281.301.475
I. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	281.301.475	281.301.475
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.17	62.843.524.755	61.437.618.868
I. Vốn chủ sở hữu	410		62.843.524.755	61.437.618.868
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		96.000.000.000	96.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		465.732.120	465.732.120
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		465.732.120	465.732.120
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ)	420		(34.087.939.485)	(35.493.845.372)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		132.416.016.270	167.617.656.338

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	4.594.809.839	4.498.587.033
5. Ngoại tệ các loại	-	-
+ USD	1,899.27	1,112.73
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính




Trần Thị Mai Thu
 Người lập biểu



Trần Thị Minh Nga
 Kế toán trưởng





 Nguyễn Xuân Tôn
 Tổng Giám đốc
 Ngày 31 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		38.534.274.884	201.168.125.645
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	38.534.274.884	201.168.125.645
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	27.389.090.661	185.535.708.361
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.145.184.223	15.632.417.284
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	3.042.802.219	1.044.553.349
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	1.378.934.229	15.512.192.663
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		786.888.806	14.755.481.438
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	402.662.437	647.907.241
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	24.432.910.666	37.843.112.814
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh / (lỗ)	30		(12.026.520.890)	(37.326.242.085)
11. Thu nhập khác	31	VI.07	39.885.208.472	115.195.657.664
12. Chi phí khác	32	VI.08	26.452.781.695	80.493.122.925
13. Lợi nhuận khác	40		13.432.426.777	34.702.534.739
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế / (lỗ)	50		1.405.905.887	(2.623.707.347)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	-	10.044.040.055
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp / (lỗ)	60		1.405.905.887	(12.667.747.402)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu / (lỗ)	70		146	(1.320)



Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Trần Thị Mai Thu
Người lập biểu

Trần Thị Minh Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Tôn
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	1.405.905.888	(2.623.707.347)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.740.441.566	8.018.445.180
Các khoản dự phòng	03	10.084.453.432	18.596.310.959
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	887.052.061	-
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(25.171.751.503)	(84.623.250.827)
Chi phí lãi vay	06	786.888.806	14.755.481.438
<i>Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(10.267.009.750)	(45.876.720.597)
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	26.584.696.837	95.384.242.475
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	2.979.329.958	22.352.106.476
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(8.510.954.015)	53.728.747.772
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	1.203.288.779	(1.036.826.492)
Tiền lãi vay đã trả	13	(77.026.091)	(9.180.580.548)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.706.087.016)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	390.169.900
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(270.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.206.238.702	115.491.138.986
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(4.791.548.680)	(489.317.582)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	38.405.194.734	112.650.415.358
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(83.999.520.548)	(14.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	14.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.792.307.153	502.366.091
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(34.593.567.341)	98.663.463.867
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.225.601.784	186.791.871.192
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(34.799.526.760)	(355.369.304.310)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(27.573.924.976)	(168.577.433.118)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(51.961.253.615)	45.577.169.735
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	53.084.915.754	7.507.746.019
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(14.100.886)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.109.561.253	53.084.915.754

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Trần Thị Mai Thu
 Người lập biểu

Trần Thị Minh Nga
 Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Tôn
 Tổng Giám đốc
 Ngày 31 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005673 ngày 07/12/2006, và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 23/7/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty đã đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo thông báo chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 487/QĐ-SGDHN ngày 07/10/2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tổng vốn điều lệ của Công ty:

96.000.000.000

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

2 Tên giao dịch, trụ sở, Chi nhánh và xí nghiệp trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SAIGON SEAPRODUCTS IMPORT EXPORT JSC.

Trụ sở chính đặt tại: 87 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Các chi nhánh và xí nghiệp trực thuộc Công ty:

Tên Chi nhánh, Xí nghiệp	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP XNK Thủy Sản Sài Gòn – Xí nghiệp Phú Viên	Số 67 Phố Phú viên, tổ 2, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội.
Chi nhánh Công ty CP XNK Thủy Sản Sài Gòn – Xí nghiệp Kho Vận	678 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, Tp. HCM.
Chi nhánh Công ty CP XNK Thủy Sản Sài Gòn – Kho lạnh Sea Sài Gòn	KCN Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3 Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, Dịch vụ

4 Ngành nghề kinh doanh

Mua bán vật tư ngành thủy sản, thủy hải sản. Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ. Kinh doanh vận tải biển. Công nghiệp khai thác cá và các thủy sản khác. Chế biến cá và thủy sản khác. Mua bán vải sợi, hàng thực phẩm chế biến. Đại lý vận tải biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Mua bán thủy sản, nông sản, thực phẩm, máy móc thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu, sản phẩm hóa học (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phương tiện vận tải, thức ăn gia súc – thủy sản, vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật), thức ăn nuôi trồng thủy sản, bạc nguyên chất (hàm lượng bạc trên 90%) dạng thỏi hoặc bán thành phẩm. Sản xuất, gia công linh kiện thép. Kinh doanh kho, bãi. Kinh doanh dịch vụ nhà ở và văn phòng làm việc (thực hiện đúng Quyết định số 80/2001/QĐ – TTg ngày 24/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ). Mua bán thuốc bảo vệ thực vật. Luyện, cán thép (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Bên cạnh đó, việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi cũng được dựa trên ước tính và xét đoán của Hội đồng trích lập dự phòng của Công ty trong một số trường hợp cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 36 năm
Máy móc thiết bị	10 - 12 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	04 - 06 năm
Phần mềm vi tính	

Quyền sử dụng đất: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian sử dụng cụ thể được ghi trên từng giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

8. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ.

9. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và theo quy chế lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Chi theo thực tế phát sinh

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng và thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ là doanh thu cho thuê kho lạnh bảo quản hàng thủy sản và các loại hàng khác; cho thuê container, kho bãi, văn phòng làm việc; vận tải bộ hàng đông lạnh.

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

17. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có. Các khoản lỗ sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển sang các năm sau theo kế hoạch chuyển lỗ đăng ký với cơ quan thuế.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa chắc chắn có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	(1.1)	522.283.142	1.113.018.217
Tiền gửi ngân hàng	(1.2)	587.278.111	1.972.897.537
Các khoản tương đương tiền	(1.3)	-	49.999.000.000
Cộng		1.109.561.253	53.084.915.754
(1.1) Bao gồm:		Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại XN Phú Viên		260.509.503	327.746.700
Tiền mặt tại XN Kho lạnh Sóng Thần		-	66.927.999
Tiền mặt tại XN Kho Vận		37.075.006	534.578.446
Tiền mặt tại VP Công ty		112.450.633	70.257.072
36 chỉ vàng 96T tại VP Công ty		112.248.000	113.508.000
Cộng		522.283.142	1.113.018.217
(1.2) Bao gồm:		Ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng bằng VND			546.711.603
Tiền gửi ngân hàng bằng USD		1,899.27	40.566.508
Cộng			587.278.111
2. Đầu tư ngắn hạn khác		Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay	(2.1)	83.499.520.548	14.000.000.000
Hợp tác kinh doanh	(2.2)	500.000.000	-
Cộng		83.999.520.548	14.000.000.000
(2.1) Khoản cho vay đến Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình theo hợp đồng cho vay với số tiền 33.194.520.548 đồng có thời hạn cho vay 9 tháng (đáo hạn ngày 11/5/2015), lãi suất vay 0,01%/tháng; và hợp đồng cho mượn với số tiền 50.305.000.000 đồng có thời hạn 12 tháng, lãi suất 5%/năm.			
(2.2) Khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Ông Phạm Nguyễn Khôi về việc hợp tác kinh doanh xuất nhập khẩu, thời hạn hợp tác là 1 năm. Mức phân chia lợi nhuận được tính cho mỗi kỳ 90 ngày như sau: Tỷ lệ % lợi nhuận/doanh thu từ 15% trở xuống thì Công ty được hưởng 100% lợi nhuận, tỷ lệ trên 15% thì Công ty là 70% và Ông Khôi là 30% lợi nhuận.			
3. Các khoản phải thu ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	(3.1)	5.115.045.810	19.336.266.266
Trả trước cho người bán	(3.2)	39.553.969.927	39.646.652.487
Phải thu khác	(3.3)	5.129.445.651	11.892.517.962
Cộng		49.798.461.388	70.875.436.715
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.4)	(31.626.736.229)	(21.851.026.084)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn		18.171.725.159	49.024.410.631

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(3.1) Bao gồm:		Ngoại tệ	Tương đương VND
Phải thu khách hàng bằng VND			1.417.518.195
Phải thu khách hàng bằng USD		173,113.33	3.697.527.615
Cộng			5.115.045.810
(3.2) Bao gồm:		Ngoại tệ	Tương đương VND
Trả trước người bán bằng VND			37.893.293.219
Trả trước người bán bằng USD		78,779.73	1.660.676.708
Cộng			39.553.969.927
(3.3) Bao gồm:		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu liên quan đến giá trị tài sản theo các biên bản thỏa thuận với các khách hàng cho mục đích cần trừ công nợ		-	4.426.620.000
Phải thu liên quan đến khoản ứng trước để thực hiện hợp đồng nhận chuyển nhượng bất động sản tại số 146 Nguyễn Văn Trỗi và số 223 Hoàng Văn Thụ, TP.HCM		-	5.000.000.000
Phải thu Ông Huỳnh Văn Hải		-	2.200.000.000
Phải thu Công ty CP Công nghiệp TODA		3.035.379.211	-
Phải thu Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình liên quan đến khoản cho mượn		192.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay		1.440.909.758	220.412.258
Phải thu khác		461.156.682	45.485.704
Cộng		5.129.445.651	11.892.517.962
(3.4) Dự phòng nợ phải thu khó đòi	Tỷ lệ trích lập	Giá trị các khoản phải thu đến ngày 31/12/2014 để lập dự phòng	Trị giá dự phòng
<i>Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán</i>			
Công nợ phải thu từ 02 - 03 năm	70%	34.962.466.762	24.473.726.733
Công nợ phải thu từ 3 năm trở lên	100%	4.864.220.576	4.864.220.576
<i>Dự phòng nợ phải thu khác</i>	100%	2.288.788.920	2.288.788.920
Cộng		42.115.476.258	31.626.736.229
4. Tài sản ngắn hạn khác		Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn		-	221.467.834
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		29.642.280	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		88.532.218	63.564.699
Tài sản ngắn hạn khác	(*)	2.806.471.674	3.061.877.008
Cộng		2.924.646.172	3.346.909.541

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Bao gồm:		Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	(**)	2.288.788.920	2.288.788.920
Các khoản tạm ứng đến nhân viên	(***)	497.682.754	753.088.088
Các khoản đặt cọc, ký quỹ, ký cược		20.000.000	20.000.000
Cộng		2.806.471.674	3.061.877.008

(**) Bao gồm giá trị của 74,25 tấn hạt nhựa HDPE là 2.288.788.920 đồng, gửi tại kho Tân Đình Phong bị niêm phong bởi các chủ nợ của công ty này (công ty này đã bỏ trốn). Công ty đang tiến hành các thủ tục khởi kiện liên quan đến vụ việc này và các khoản nợ phải thu quá hạn chưa thanh toán. Công ty đã trích lập 100% dự phòng phải thu khó đòi.

(***) Trong đó, bao gồm khoản tạm ứng khó thu hồi là 138.276.621 đồng đã được trích lập dự phòng 100%.

5. Các khoản phải thu dài hạn

		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng dài hạn	(5.1)	57.938.577.830	62.424.400.144
Phải thu dài hạn khác	(5.2)	476.108.238	476.108.238
Cộng		58.414.686.068	62.900.508.382
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(5.3)	(38.405.986.068)	(38.097.242.781)
Giá trị thuần các khoản phải thu dài hạn		20.008.700.000	24.803.265.601

(5.1) Bao gồm:	Ngoại tệ	Tương đương VNĐ
Phải thu khách hàng dài hạn bằng VNĐ		48.328.936.885
Phải thu khách hàng dài hạn bằng USD	455,865.32	9.609.640.945
Cộng		57.938.577.830

(5.2) Các khoản phải thu dài hạn khác đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100%.

(5.3) Dự phòng nợ phải thu khó đòi	Tỷ lệ trích lập	Giá trị các khoản phải thu đến ngày 31/12/2014 để lập dự phòng	Trị giá dự phòng
<i>Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán</i>			
Công nợ phải thu từ 3 năm trở lên	100%	39.023.444.142	38.405.986.068
Cộng		39.640.902.216	38.405.986.068

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, DCQL	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	19.935.244.961	45.479.541.868	5.602.617.285	416.985.416	71.434.389.530
Tăng	301.704.195	-	3.952.149.000	-	4.253.853.195
Giảm do thanh lý	18.442.097.460	45.479.541.868	4.276.189.138	311.998.666	68.509.827.132
Số dư cuối năm	1.794.851.696	-	5.278.577.147	104.986.750	7.178.415.593
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	19.664.514.064	29.501.134.917	3.844.366.427	416.985.416	53.427.000.824
Tăng	475.431.314	1.238.354.128	313.438.502	3.276.429	2.030.500.373
Giảm thanh lý	18.803.194.139	30.739.489.045	2.795.065.456	315.275.095	52.653.023.735
Số dư cuối năm	1.336.751.239	-	1.362.739.473	104.986.750	2.804.477.462
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	270.730.897	15.978.406.951	1.758.250.858	-	18.007.388.706
Số dư cuối năm	458.100.457	-	3.915.837.674	-	4.373.938.131

TSCĐ tăng lên trong năm do mua sắm mới và xây dựng hoàn thành; Giảm do thanh lý, nhượng bán.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 1.330.050.214 đồng.

7. Tài sản cố định vô hình (phần mềm vi tính)

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	505.580.187		240.832.287	264.747.900
Hao mòn lũy kế	430.308.507	75.271.680	240.832.287	264.747.900
Giá trị còn lại	75.271.680			-

Tài sản cố định vô hình giảm trong năm do không sử dụng nữa.

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	5.167.249.080	5.167.249.080
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(4.241.548.000)	(4.241.548.000)
Cộng	925.701.080	925.701.080

(*) Bao gồm:	Số lượng	Đơn giá mua	Trị giá đầu tư	Dự phòng giảm giá
Công ty CP XNK Thủy sản Năm Căn (**)	32.082	10.000	320.829.080	-
Ngân hàng TMCP Phương Nam	87.480	50.828	4.446.420.000	(3.886.548.000)
Công ty CP TM Vàng Bạc Đá quý Phương Nam	10.000	40.000	400.000.000	(355.000.000)
Cộng			5.167.249.080	(4.241.548.000)

(**) Trong năm 2014, Công ty đã nhận được cổ tức bằng tiền từ khoản đầu tư trên với số tiền là 25.654.600 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Tài sản dài hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	26.747.024	1.008.567.969
Tài sản dài hạn khác (đặt cọc thuê văn phòng)	361.000.000	361.000.000
Cộng	387.747.024	1.369.567.969

10. Vay và nợ ngắn hạn	(*)	Số cuối năm	Số đầu năm
		24.388.906.790	51.585.116.955

(*) Bao gồm:	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vay từ ngân hàng:				
Vay bằng USD				
Ngân hàng Ngoại Thương - CN HCM	-	7.227.679.528	6.944.984.619	282.694.909
Ngân hàng Phương Nam - CN Sài Gòn	51.585.116.955	375.637.067	27.854.542.141	24.106.211.881
Cộng vay ngắn hạn	51.585.116.955	7.603.316.595	34.799.526.760	24.388.906.790

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh: theo các Giấy đề nghị kèm hợp đồng chiết khấu có truy đòi hối phiếu và/hoặc bộ chứng từ xuất khẩu, lãi suất tại ngày 31/12/2014 là 5%/năm, Số dư tiền chiết khấu đến ngày 31/12/2014 là **13,235.40 USD** tương đương 282.694.909 đồng.

Ngân hàng TMCP Phương Nam - CN Sài Gòn: theo hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 026/03/12HM ngày 29/3/2012 với tổng hạn mức tín dụng được cấp là 3,330,000.00 USD; Mục đích vay được thể hiện theo từng lần cấp tín dụng; Thời gian cấp hạn mức tín dụng: 36 tháng (từ 29/3/2012 đến 29/3/2015), thời hạn cho vay: theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể; Lãi suất vay tại ngày 31/12/2014 là 5,5%/năm; Tài sản đảm bảo: không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **1,128,620.79 USD** tương đương 24.106.211.881 đồng.

11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	(*) 1.447.056.122	4.041.561.038
Người mua trả tiền trước	58.858.990	32.104.720
Cộng	1.505.915.112	4.073.665.758

(*) Bao gồm:	Ngoại tệ	Tương đương VND
Phải trả người bán bằng VND		39.629.380
Phải trả người bán bằng USD	65,893.85	1.407.426.742
Cộng		1.447.056.122

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT phải nộp	13.233.394	701.159.685
Thuế TNDN phải nộp	8.337.953.039	10.044.040.055
Thuế TNCN phải nộp	-	43.843.648
Các khoản khác phải nộp Nhà nước (Thuế đất tại XN Phú Viên)	316.569.258	344.675.008
Cộng	8.667.755.691	11.133.718.396

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số cuối năm	Số đầu năm
13. Phải trả người lao động	255.670.199	638.726.270
14. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay còn phải trả	6.647.727.750	5.819.749.114
Lãi vay còn phải trả liên quan đến khoản vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển phát sinh tại XN Phú Viên từ trước cổ phần hóa	785.949.589	750.013.328
Dự phòng trợ cấp mất việc làm phải trả cán bộ nhân viên tại xí nghiệp Kho Vận	2.254.569.250	-
Chi phí phải trả khác	15.000.000	206.250.007
Cộng	9.703.246.589	6.776.012.449
15. Các khoản phải trả, phải nộp khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT và BHTN	153.062.988	147.017.161
Phải trả lương nhân viên nghỉ việc từ thời điểm cổ phần hóa	81.480.250	81.480.250
Phải trả tiền nhận đặt cọc cho thuê mặt bằng phát sinh tại XN Kho Vận	209.638.400	1.062.556.900
Cổ tức còn phải trả	1.947.108.259	1.948.219.159
Số tiền Công ty đã nhận trước liên quan đến việc chuyển giao tài sản nhận cầm cố	-	1.000.000.000
Phải trả Ông Nguyễn Ngọc Toàn liên quan đến khoản tiền mượn	950.000.000	-
Phải trả liên quan đến khoản Công ty CP Thanh Niên đã chi hộ	8.831.742.375	14.770.000.000
Thuế GTGT còn phải nộp liên quan đến hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại số 200 Điện Biên Phủ, Q.3, TP.HCM chưa được quyết toán	8.548.163.636	8.548.163.636
Khoản truy thu thuế GTGT và phạt vi phạm hành chính theo QĐ 338/QĐ-CT-TTr2 của Cục thuế TP.HCM ngày 01/02/2013	3.745.458.178	3.745.458.178
Phải trả khác	324.197.692	409.757.002
Cộng	24.790.851.778	31.712.652.286
16. Vay và nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
(*)	281.301.475	281.301.475

(*) Khoản vay Quỹ hỗ trợ phát triển - Chi nhánh Hà Nội phát sinh tại xí nghiệp Phú Viên nhằm đầu tư sửa chữa ô bể chợp, thiết bị điện, nước và cải tạo nhà kho phục vụ sản xuất nước mắm phát sinh từ những năm trước cổ phần hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	96.000.000.000	-	-	96.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	465.732.120	-	-	465.732.120
Quỹ dự phòng tài chính	465.732.120	-	-	465.732.120
Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ)	(35.493.845.372)	1.405.905.887	-	(34.087.939.485)
Cộng	61.437.618.868	1.405.905.887	-	62.843.524.755

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005673 ngày 07/12/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06/01/2014, vốn điều lệ của Công ty là 96.000.000.000 đồng (Bao gồm 9.600.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần):

Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	9.600.000	9.600.000
- Cổ phiếu thường	9.600.000	9.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu mua lại		
- Cổ phiếu thường		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.600.000	9.600.000
- Cổ phiếu thường	9.600.000	9.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu thuần	Năm nay	Năm trước
Doanh thu từ bán vật tư	2.028.697.148	144.905.384.131
Doanh thu từ bán thủy, hải, nông sản	7.608.225.385	17.540.458.910
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ (cho thuê kho bãi, kho lạnh,..)	28.897.352.351	38.722.282.604
Cộng	38.534.274.884	201.168.125.645
2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn vật tư	2.553.797.133	141.080.659.545
Giá vốn hàng thủy, hải, nông sản	7.244.759.845	17.419.644.358
Giá vốn dịch vụ	17.590.533.683	27.035.404.458
Cộng	27.389.090.661	185.535.708.361
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.987.150.053	722.778.349
Cổ tức, lợi nhuận được chia	25.654.600	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	22.058.324	321.775.000
Doanh thu tài chính khác	7.939.242	-
Cộng	3.042.802.219	1.044.553.349

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
4. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	786.888.806	14.755.481.438
Lỗ chênh lệch tỷ giá	585.845.202	756.711.225
Chi phí tài chính khác	6.200.221	-
Cộng	1.378.934.229	15.512.192.663
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	402.662.437	555.685.508
Chi phí khác bằng tiền	-	92.221.733
Cộng	402.662.437	647.907.241
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	3.220.357.662	3.769.971.432
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	181.103.205	267.813.691
Chi phí khấu hao TSCĐ	416.143.455	587.837.707
Thuế, phí và lệ phí	97.883.639	169.967.356
Chi phí dự phòng	10.084.453.432	18.596.310.959
Chi phí dịch vụ mua ngoài	854.856.345	1.059.046.429
Chi phí khác bằng tiền	9.578.112.928	13.392.165.240
Cộng	24.432.910.666	37.843.112.814
7. Thu nhập khác		
Thu từ chuyển nhượng TSCĐ	38.405.194.734	114.650.415.358
Thu lãi phạt vi phạm hợp đồng	1.429.921.266	374.965.875
Thu nhập từ việc xử lý công nợ không phải trả	-	170.272.932
Thu nhập khác	50.092.472	3.499
Cộng	39.885.208.472	115.195.657.664
8. Chi phí khác		
Thù lao HDQT và BKS	85.125.000	156.000.000
Giá trị còn lại cả TSCĐ chuyển nhượng	15.878.021.037	30.749.942.880
Lỗ từ việc thanh lý tài sản thu hồi của khách hàng để bù trừ công nợ	3.026.620.000	125.658.547
Phạt vi phạm hợp đồng	7.342.218.927	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính	-	3.769.458.178
Thanh lý khoản hợp tác đầu tư	-	30.000.000.000
Chi phí hỗ trợ di dời	-	15.500.000.000
Xử lý tài sản thiếu	-	189.807.900
Chi phí khác	120.796.731	2.255.420
Cộng	26.452.781.695	80.493.122.925

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Thu nhập (lỗ) từ hoạt động kinh doanh chính	2.829.597.996	(42.799.867.567)
Thu nhập (lỗ) từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	(1.423.692.109)	40.176.160.220
Tổng thu nhập (lỗ) kế toán trước thuế	1.405.905.887	(2.623.707.347)
Các khoản điều chỉnh tăng	205.921.731	4.243.180.045
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập (lỗ) chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính	3.035.519.727	(38.556.687.522)
Thu nhập (lỗ) chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	(1.423.692.109)	40.176.160.220
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chính năm trước mang sang	(1.611.827.618)	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	10.044.040.055
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ	1.529.997.293	1.934.519.771
Chi phí nhân công	11.738.283.943	15.863.443.825
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.740.441.565	364.245.612
Chi phí dự phòng	10.084.453.432	18.596.310.959
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.728.881.236	10.265.462.306
Chi phí bằng tiền khác	11.476.839.668	15.890.351.362
Cộng	41.298.897.137	675.020.965.454

VII. Thông tin khác

1. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD là như sau:

Tài sản tài chính	Tại ngày 31/12/2014	
	USD	VND tương đương
Tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng	1.899,27	40.566.508
Phải thu khách hàng	173.113,33	3.697.527.615
Phải thu khách hàng dài hạn	455.865,32	9.609.640.945
Tổng cộng	630.877,92	13.347.735.068



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nợ tài chính	Tại ngày 31/12/2014	
	USD	VND tương đương
Vay và nợ ngắn hạn	1.141.856,21	24.388.906.790
Phải trả người bán	65.893,85	1.407.426.742
Chi phí phải trả	311.237,78	6.647.727.750
Tổng cộng	1.518.987,84	32.444.061.282
Mức rủi ro tiền tệ	(888.109,92)	(19.096.326.214)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (954.816.311) đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các cổ phiếu chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

	Tại ngày 31/12/2014
Tài sản có lãi suất	
Cho vay, cho mượn có lãi suất	83.499.520.548
Tổng	83.499.520.548

Tổng số dư Tài sản có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 1.669.990.411 đồng (A).

Nợ phải trả có lãi suất

Các khoản vay	24.670.208.265
Tổng	24.670.208.265

Tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 493.404.165 đồng (B).

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (A) - (B) = 1.176.586.246 đồng.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư vào trái phiếu phát hành ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, ứng trước cho người bán, và các khoản tạm ứng của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 29.243.240.656 đồng.

Tài sản tài chính quá hạn và/ hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và người mua trả tiền trước được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Giá trị ghi sổ	Tại ngày 31/12/2014
Tổng gộp	79.467.589.554
Trừ dự phòng giảm giá trị	(67.743.933.377)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	11.723.656.177
Dự phòng giảm giá trị	
Số dư đầu năm (01/01/2014)	(59.948.268.865)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(10.084.453.432)
Số dư cuối năm (31/12/2014)	(*) (70.032.722.297)

(*) Trong đó, đã bao gồm khoản trích lập dự phòng của tài sản thiếu chờ xử lý với số tiền là 2.288.788.920 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

c. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	24.388.906.790	281.301.475	24.670.208.265
Phải trả người bán	1.447.056.122	-	1.447.056.122
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.667.755.691	-	8.667.755.691
Phải trả người lao động	255.670.199	-	255.670.199
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	34.494.098.367	-	34.494.098.367
Tổng cộng	69.253.487.169	281.301.475	69.534.788.644

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là tương đối. Công ty vẫn tin tưởng có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có thế chấp, cầm cố tài sản cố định để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 31/12/2014, Công ty đã nhận cầm cố tài sản cố định của một bên khác để đảm bảo cho các khoản nợ phải thu.

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

Tại ngày 31/12/2014	So sánh giá trị thuần với giá trị sổ sách			Giá trị hợp lý	Dự phòng
	Giá trị sổ sách	Tăng	Giảm		
Đầu tư ngắn hạn					
Cho vay ngắn hạn	83.499.520.548	-	-	83.499.520.548	
Đầu tư khác	500.000.000	-	-	500.000.000	
Các đầu tư dài hạn khác					
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	5.167.249.080	-	(4.241.548.000)	925.701.080	(4.241.548.000)
Tổng cộng	89.166.769.628	-	(4.241.548.000)	84.925.221.628	(4.241.548.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

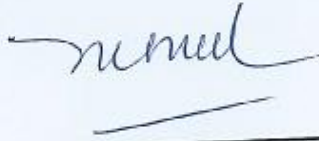
(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính


Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



Trần Thị Mai Thu
Người lập biểu



Trần Thị Minh Nga
Kế toán trưởng


Nguyễn Xuân Tôn
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

PHỤ LỤC: DANH SÁCH CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI NGÀY 31/12/2014**1. Phải thu Khách hàng (bằng VND)**

STT	Tên Công ty	Gốc ngoại tệ (USD)	Tương đương VND
1	Công ty TNHH Một Thành Viên Đông Á Sài Gòn		957.600.000
2	Công ty TNHH TMSX Lợi Phong		2.328.260
3	Trần Ngọc Hoàng		8.566.250
4	Đặng Văn Minh		3.836.250
5	Trần Hữu Hiệu		836.000
6	Nguyễn Thị Kim Liên		6.729.250
7	Phạm Thu Thu Hồng		39.930.000
8	Công ty TNHH Cơ Phúc		5.280.000
9	Công ty CP XDTM Vận Tài Hiệp Tân Hưng		2.640.000
10	Phạm Văn Thịnh		1.158.040
11	Đặng Mạnh Thường		112.414.500
12	Chi nhánh Công ty TNHH TM DV DL Phát Xuân Tùng		52.134.000
13	Công ty TNHH Hoàng Phiên		71.577.450
14	Công ty TNHH TM DV XNK Hồng Xương		106.610.368
15	CN Công ty TNHH Cúc Tùng		4.350.750
16	Công ty CP XNK Thủy sản An Giang		36.583.467
	Cộng	-	1.412.574.585

2. Phải thu Khách hàng (bằng USD)

STT	Tên Công ty	Gốc ngoại tệ (USD)	Tương đương VND
1	Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật An Hưng Phát	58,663.31	1.257.933.248
2	Công ty TNHH TM Bách Tùng	100,518.02	2.146.964.389
3	Wool Fishers	13,932.00	297.573.588
	Cộng	173,113.33	3.702.471.225



Trần Thị Mai Thu
Người lập biểu



Trần Thị Minh Nga
Kế toán trưởng




Nguyễn Xuân Tôn
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

PHỤ LỤC: DANH SÁCH CHI TIẾT TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN TẠI NGÀY 31/12/2014

1. Trả trước người bán (bằng VND)

STT	Tên Công ty	Gốc ngoại tệ (USD)	Tương đương VND
1	Cty TNHH SXTM Xây Dựng Biển Đông		30.000.000
2	Công Ty TNHH Hoàng Đạo		30.271.975.287
3	Cơ Sở Kinh Doanh Lê Thị Lệ Chiêu		4.690.491.475
4	Nguyễn Văn Hiệp		106.332.975
5	Cty TNHH TMDV Bắc Việt Chung		2.450.493.482
6	Công ty TNHH Thiên Thời		164.000.000
7	Công ty TNHH Hoàng Nam		180.000.000
Cộng		-	37.893.293.219

2. Trả trước người bán (bằng USD)

STT	Tên Công ty	Gốc ngoại tệ (USD)	Tương đương VND
1	Cty TNHH TMDV Bắc Việt Chung	16,125.95	339.935.026
2	A Del Trading Co Ltd	969.54	20.437.903
3	Duferco Asia Pte Ltd	4,144.93	87.375.124
4	Koddaert	4,829.38	101.803.330
5	Lu Qin (Hong Kong)	19,586.67	412.887.004
6	Midland Industries Ltd	21,879.52	461.220.282
7	Sakai Kouhan Co., Ltd	11,243.74	237.018.039
Cộng		78,779,73	1.660.676.708

Trần Thị Mai Thu
Người lập biểu

Trần Thị Minh Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Tồn
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

PHỤ LỤC: DANH SÁCH CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG DÀI HẠN TẠI NGÀY 31/12/2014

1. Phải thu Khách hàng dài hạn (bằng VND)

STT	Tên Công ty	Gốc ngoại tệ (USD)	Tương đương VND
1	DNTN Nguyễn Danh		18.935.024
2	DNTN Cầu Lài		180.000.274
3	DNTN Minh Hiền		42.951.001
4	Bao bì Nhựa Ngân Ngọc Hà		18.390.000
5	DNTN Tam Long		166.000.249
6	Cty TNHH Phương Nga		111.655.821
7	Vinafood		6.199.792.266
8	Công ty TNHH SX và XNK Tân Đình Phong		41.591.212.250
Cộng		-	48.328.936.885

2. Phải thu Khách hàng dài hạn (bằng USD)

STT	Tên Công ty	Gốc ngoại tệ (USD)	Tương đương VND
1	Công ty Cơ khí Nhựa Bình Đông Hưng	1,161.64	24.487.371
2	Công ty TNHH Khôi Long	21,022.01	443.143.971
3	Công ty TNHH Dịch Vụ Nam Hà Việt	29,291.18	617.458.074
4	Al Gasr International For Import And Export	395,437.10	8.335.814.068
5	ICONA CAFE	8,953.39	188.737.461
Cộng		455,865,32	9.609.640.945

Trần Thị Mai Thu
Người lập biểu

Trần Thị Minh Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Tôn
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

PHỤ LỤC: DANH SÁCH CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN TẠI NGÀY 31/12/2014

1. Phải trả người bán (bằng VND)

STT	Tên Công ty	Gốc ngoại tệ (USD)	Tương đương VND
1	Công ty Cổ phần Đầu tư PSP Việt Nam		39.629.380
Cộng		-	39.629.380

2. Phải trả người bán (bằng USD)

STT	Tên Công ty	Gốc ngoại tệ (USD)	Tương đương VND
1	Commodities International, INC	65.893.85	1.407.426.742
Cộng		65.893.85	1.407.426.742

Trần Thị Mai Thu
Người lập biểu

Trần Thị Minh Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Tồn
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

